

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 7 – 2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Diễm;

Ông Nguyễn Quang Phước.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lê Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **L. T. T. D**, sinh năm 2000; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M.H, xã M. H. Đ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; địa chỉ nơi cư trú: khu phố A.B, phường A.T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* anh **M. A. T**, sinh năm 1998; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú: khu phố L. A, phường T. B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L.T.T.D trình bày:*

Chị và anh M. A. T chung sống với nhau từ năm 2020, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2020 tại Ủy ban nhân dân

phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, chị và anh T sống chung với cha mẹ chồng tại khu phố Lộc An, phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Anh, chị chung sống đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Ngoài ra, do chị và anh T không tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn nên khi về sống chung, mỗi người một tính ý, vợ chồng không cùng chung chí hướng nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị và anh T không còn sống chung một nhà từ tháng 7/2021 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị và anh T đều không có thiện chí đoàn tụ. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị D trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – anh M. A. T trình bày:*

Anh thống nhất lời trình bày của chị D về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và thời gian sống ly thân. Trong thời gian sống chung, anh và chị D thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng về quan điểm, tính cách. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh và chị Dương không hàn gắn tình cảm được. Nay chị Dương yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị L. T. T. D đối với anh M. A. T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: các đương sự trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị L. T. T. D và bị đơn anh M. A. T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt chị D, anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị D, anh T chung sống từ năm 2020, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh T là do vợ chồng không hợp nhau về tính ý. Ngoài ra, vợ chồng còn có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Anh T cũng trình bày, trong thời gian chung sống, anh và chị D thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng về quan điểm, tính cách. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị D và anh T là có thật. Anh, chị không còn sống chung một nhà từ tháng 7/2021 cho đến nay nhưng không bên nào có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị D và anh T không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh, chị chung sống không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị D, anh T thống nhất trình bày không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Thị Thùy Dương đối với anh M. A. T. Chị L. T. T. D được ly hôn với anh M. A. T.

2. Về con chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị D, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: chị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0026568

ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị D, anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Ủy ban nhân dân phường Trảng Bàng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Thị Yến**